

**CÔNG TY TNHH DICA GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DICA GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DICA GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109501131

**3. Ngày thành lập:** 19/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1256 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984 632 223

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                  | 4620     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, - Bán buôn thủy sản, Bán buôn rau, quả,<br>- Bán buôn cà phê,<br>- Bán buôn chè,<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4633     |
| 5.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo<br>Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, xì gà, các sản phẩm thuốc láo                                                                                                                                                                                                                                   | 4634     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ kinh doanh được phẩm)<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn điều cày<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình | 4649 |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659 |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669 |
| 10. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4711 |
| 12. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4719 |
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4721 |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4722 |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4723 |
| 16. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên<br>doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, xì gà, các sản phẩm<br>thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4724 |
| 17. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753 |
| 18. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4759 |
| 19. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các<br>cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4771 |
| 20. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong<br>các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4772 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu, súng, đạn, tem và tiền kim khí)<br>Chi tiết: - Bán lẻ điều cày, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773(Chính) |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa ( trừ đấu giá)<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 23. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1610        |
| 24. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1621        |
| 25. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1622        |
| 26. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1629        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8299        |
| 28. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1623        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.600.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CAO VĂN DŨNG    | Thôn Bắc Yên, Xã Hải Yên, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                  | 1.560.000.000         | 60,000    | 173754200                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN ĐỨC GIÀU | Thôn Bắc Yên, Xã Hải Yên, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                  | 1.040.000.000         | 40,000    | 038093015789                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CAO VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 23/08/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 173754200

Ngày cấp: 23/02/2011

Nơi cấp: Công an Tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Bắc Yên, Xã Hải Yên, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 1256 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội